Amber | CAPITAL

S.G.P: 40 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU AMBER

Hà Nội, tháng năm

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ 30
Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ 31
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 32
Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ 33
Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ 33
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 34
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ 34
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ 34
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ 37
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ 38
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 39
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát 39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát 40
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát 41
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát 43
CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 43
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền 43
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 43
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 44
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 45
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 46
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối 46
Điều 48. Hoạt động của Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh 46
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối 47
CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 49
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 49
Điều 51. Năm Tài chính 50
Điều 52. Chế độ kế toán 50
Điều 53. Báo cáo tài chính 50
Điều 54. Báo cáo khác 51
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 51
Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng 51
Điều 56. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ 52
Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ 52
Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 53
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ 53
Điều 59. Thu nhập của Quỹ 53
Điều 60. Phân phối lợi nhuận của Quỹ 53

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Amber (AEIF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;
4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC;
6. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
7. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC;
9. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2025/TT-BTC;
10. Các văn bản pháp luật có liên quan khác, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của những quy định nói trên.

"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
"Vốn Điều lệ Quỹ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ Quỹ"	là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, Điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ "của Điều lệ này", "trong Điều lệ này" và "theo Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Đơn vị Quỹ

   a) Mệnh giá của Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam).

   b) Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber
2. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 39/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà VOV, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 02439386222
5. Fax: 02439381222

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

1.	Ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
2.	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số:	0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
3.	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
4.	Địa chỉ trụ sở chính:	74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
5.	Điện thoại:	0243.9411 840
6.	Fax:	0243 9411 847

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận và tối ưu mức sinh lời trong dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh

e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật hiện hành tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật hiện hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
- Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:

- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;

c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá hai mươi (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt

lựa chọn các ngành được hưởng lợi và có tiềm năng tăng trưởng nhanh trong thời gian sắp tới.

Quỹ áp dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) nhằm tái khẳng định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững, và rủi ro của mỗi doanh nghiệp mục tiêu trước khi đi đến quyết định đầu tư. Theo đó, Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo trình tự:

a. Mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, lợi nhuận trong dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng của dòng tiền, và chất lượng của đội ngũ lãnh đạo;

b. Tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng của ngành;

c. Những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ lên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát… Khi các cổ phiếu đã được lựa chọn đầu tư, Quỹ sẽ tiếp tục tích cực theo dõi và năng động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và gia tăng khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất 1 Chứng chỉ Quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;

b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;

c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;

d) Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;

e) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;

f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

g) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (Sổ chính) hoặc ủy quyền Đại lý ký danh lập, quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2. Đại lý ký danh được lập, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Chi phí quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.

3. Sổ chính, Sổ phụ phải có các thông tin sau:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;

   b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;

   c) Các thông tin cá nhân khác của nhà đầu tư bao gồm:

      Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân, hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

      Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

   d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có);

   e) Số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);

   f) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.

quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

c) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:

$$\frac{\textit{Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ} \times (1 - \textit{Giá dịch vụ phát hành(\%)})}{\textit{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

d) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư mua được.

f) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ

a) Quy định về số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản được nêu tại Bản cáo bạch.

b) Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

c) Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.

d) Giá trị bán được nhận = *Số lượng Đơn vị Quỹ được mua lại * NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch * (1-Giá Dịch vụ Mua lại (%)) – thuế (nếu có)*

e) Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng số tiền bán chứng chỉ quỹ trừ đi các khoản thuế (nếu có) theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.

f) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.

g) Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:

- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
- Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;

d) Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

e) Nhà Đầu Tư phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

f) Nhà Đầu Tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

6. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

   a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc

   b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:

   - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

   - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc

   - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Trong trường thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được quyền áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.

4. Công ty Quản lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

   a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

d) Công ty Quản lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.

e) Đại lý Phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 18. Giá bán/giá phát hành và giá mua lại chứng chỉ quỹ

1. Giá bán/Giá phát hành một đơn vị quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng, tức là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Quỹ, bằng mười nghìn (10.000) đồng cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá bán/Giá phát hành một đơn vị quỹ cho các lần tiếp theo, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

3. Giá mua lại một đơn vị Quỹ, là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.

4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.

5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.

6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.

7. Các loại giá dịch vụ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này được phép quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể của Quỹ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý Phân phối và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối. Ngân

2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công ty Quản Lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà Đầu Tư được triệu tập hằng năm hoặc bất thường. Trừ trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi báo cáo UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

   a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

   b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

   c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

3. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;

luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 25. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản

Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, trình tự lấy ý kiến Nhà Đầu tư như sau:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.

2. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
   a. Tên, địa chỉ, thông tin Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
   b. Thông tin Nhà Đầu tư, số lượng Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
   c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự "*Đồng ý*", "*Không đồng ý*" và "*Không có ý kiến*";
   d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ;
   e. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ;

3. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư bằng chuyển phát, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan Phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu tư).

4. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của Nhà Đầu tư cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ. Các ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu/thư lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu/thư lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu/thư không tham gia biểu quyết.

5. Công ty Quản lý Quỹ thành lập Ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết được thông qua đến các Nhà Đầu tư trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà Nhà Đầu tư phải gửi ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương Biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
   a. Tên, địa chỉ, thông tin Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
   b. Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
   c. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
   d. Họ tên, chữ ký của Trưởng ban kiểm phiếu, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền và người Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ hoặc người được người đại diện theo Pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền.

6. Ban kiểm phiếu, thành viên Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của Nội dung Biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Cổng thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN trong vòng hai mươi bốn giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này và không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ;

c) Thành viên Ban đại diện quỹ có thể đồng thời là thành viên của Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;

b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ; và

d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên Ban đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

5. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Ban đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điều lệ;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban đại diện quỹ và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Không phải là Người có Liên quan của Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ; và
4. Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
   a) Tuân thủ các quy định của Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà đầu tư;
   b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
   c) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà đầu tư;
   d) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
   e) Ký các Hợp đồng Lưu ký với Ngân hàng Lưu ký, Hợp đồng Giám sát với Ngân hàng Giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của Quỹ;
   f) Ký các Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư (nếu có), dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ ủy quyền khác theo quy định của pháp luật với tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác, khách hàng ủy thác khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ cho Quỹ với các hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản lý Quỹ;
   g) Phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác.

vụ quản lý đối với phần danh mục không phù hợp với chính sách đầu tư và các tổn thất. Trường hợp giao dịch này phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

o) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;

p) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;

q) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

r) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp:

- Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này.
- Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ này.
- Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 11 Điều lệ quỹ này, quy định của pháp luật.
- Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.

s) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối chứng chỉ quy cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử;

t) Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

u) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này.

b) Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động Quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan đến việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;

c) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;

tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi UBCKNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và Ngân hàng Giám sát xác nhận.

5. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:

   a. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế Công ty Quản lý Quỹ trong trường hợp có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đồng thời sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

   Phí này nhằm bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

   b. NAV được sử dụng để tính phí bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

   c. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ vì lý do công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định của pháp luật thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khoản phí nêu trên.

7. Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Các trường hợp khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý.

1. Là ngân hàng thương mại, có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại;
4. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát có nghĩa vụ:
   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư Quỹ;
   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;
   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
   e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g) Giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;
   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng, kiểm tra, bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

e) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ;

f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.

5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá

b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mình thực hiện.

2. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền;

3. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền;

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà Quỹ thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan;

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với Công ty Quản lý Quỹ.

2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký:

   a) Không được làm đại lý ký danh;

   b) Phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

   c) Chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

3. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp Đại lý Phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

5. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối

Điều 48. Hoạt động của Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh

1. Hoạt động của Đại lý phân phối bao gồm:

   a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;

   b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý Phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý Phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

10. Phương tiện để Đại lý Phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

11. Khi thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:

    a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và

d) Không phải là Người có Liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

3. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:
   a) Công ty Kiểm toán bị thu hồi giấy phép;
   b) Công ty Kiểm toán bị phá sản hay giải thể.

4. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 51. Năm Tài chính

1. Một năm tài chính ("Năm Tài chính") có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm sẽ được kiểm toán hàng năm, báo cáo tài chính bán niên sẽ được soát xét bán niên bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, Ban Đại diện Quỹ và và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính của quỹ đầu tư chứng khoán.

sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 56. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 Điều lệ này.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức sai lệch đạt từ 1% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã bán.

   b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

   b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó;

4. Mức đền bù bằng đúng mức thiệt hại và được xác định theo các căn cứ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí đền bù cho Quỹ và nhà đầu tư. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

6. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu quyết định khác.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, nhà đầu tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà đầu tư;

c) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch.

4. Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
   a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);
   b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
   c) Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
   d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
   e) Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Trong mọi trường hợp, tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

   Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,35%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

   Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

   *Giá dịch vụ quản lý quỹ = 1,35% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

3. Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại Ngày định giá.

   Giá dịch vụ giám sát là 0,02%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

   Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Tối thiểu là 15 triệu đồng mỗi/ tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

6. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

7. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.

8. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

9. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.

10. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

11. Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy phép cho quỹ.

12. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

13. Thuế đánh trên các phí và các loại lệ phí khác.

14. Quỹ sẽ thanh toán các khoản Giá dịch vụ quản lý quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ; Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; Giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách quỹ bao gồm:

   a) Phương án chia, tách quỹ;

   b) Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.

2. Ngày chia, tách quỹ là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định chia, tách quỹ. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

   a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

2. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu quỹ gồm Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

3. Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc bảo đảm nhà đầu tư truy xuất được thông tin.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 68. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 69 Điều và 04 Phụ lục, đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho quỹ AEIF.

2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt Nam có giá trị pháp lý như nhau:

   a) 01 (một) bản để báo cáo với UBCKNN;

   b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và

   c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Điều 69. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG MINH VƯƠNG

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER

TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG MINH VƯƠNG

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Amber

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 39/GP-UBCK do UBCKNN cấp 8 tháng 10 năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102970695 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2008; thay đổi lần thứ 3 ngày 27/9/2025.

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ AMBER	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá hoặc có giao dịch có sự biến động lớn (*), phương pháp xác định giá là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. Trường hợp Trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì giá Trái phiếu được tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. **Ghi chú** (*) Giao dịch có sự biến động lớn được hiểu như sau: - Đối với Trái phiếu chính phủ: Giá thị trường có lãi suất chiết khấu vượt quá giới hạn chênh lệch so với lãi suất tiêu chuẩn kỳ hạn tương ứng là 0,5% trở lên (Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính, nếu không có sẵn thì là Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trung thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới (ngắn hơn liền kề) và kỳ hạn cận trên (dài hơn liền kề)); - Đối với Trái phiếu doanh nghiệp: Giá thị trường (giá sạch) tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá gần nhất hoặc giá sạch khi mua về cộng lãi lũy kế nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch

2.5. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào ngày định giá, Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
2. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
3. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
4. Muộn nhất tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.